

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 65/2023/DS-PT

Ngày 05-12-2023

Về “T/c Hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Phương**.

Các Thẩm phán:

Bà **Lê Hoài Thủy**.

Ông **Nguyễn Văn Trung**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Hồng Huệ**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thúy**- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2023/TLPT- DS ngày 17 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DSST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐ- PT ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1955, địa chỉ: **Số B đường V, Khu phố H, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1973; địa chỉ: **Số B H, khu phố I, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; nơi công tác: Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nguyễn Quang D**; sinh năm 1960; địa chỉ: **Số B H, khu phố I, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Bà **Lê Thị H**; địa chỉ: **Số B H, khu phố I, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị** (Văn bản ủy quyền đề ngày 05/7/2023), có mặt.

- Bà **Huỳnh Thị N**; địa chỉ: **Số D N, khu phố F, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà **Lê Thị H** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ngày 05/11/2012 âm lịch, bà **Lê Thị H** đã vay của ông **Nguyễn Văn Đ** số tiền gốc 16.000.000 đồng; thời hạn vay 10 năm, lãi suất 1,2%/ tháng. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn trả nợ nhưng

bà H không chịu thanh toán, mặc dù ông D đã nhiều lần yêu cầu bà H trả khoản nợ đã vay nhưng bà H vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết buộc bà Lê Thị H phải trả khoản tiền gốc là 16.000.000 đồng và khoản tiền lãi với lãi suất 1,2%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày vay 05/01/2012 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm 08/9/2023.

Bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà Lê Thị H và bà Huỳnh Thị N quen biết, nên ngày 05/11/2012 âm lịch, bà N có cho bà Lê Thị H mượn số tiền 16.000.000 đồng, khi bà N đưa tiền cho bà H mượn thì bà N nói đây là tiền của chị cho em mượn không lấy lãi, khi nào có tiền trả lại cho chị nên bà H viết giấy mượn “chị N - Đàn”. Sau khi mượn tiền một thời gian, ngày 23/5/2023DL (tức ngày 5/4/2023AL) bà Lê Thị H chủ động đến nhà bà Huỳnh Thị N trả số tiền 16.000.000 đồng tiền gốc; còn phần tiền lãi bà N không lấy lãi. Bà N đã ký nhận đủ tiền.

Vì vậy, bà Lê Thị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang D trình bày: Việc bà Lê Thị H có mượn bà N, trú tại số D N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị số tiền 16.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 05/11/2012 là có thật bà H đã viết giấy nợ, nhưng ông D ghi tên của ông Nguyễn Quang D vào phía sau giấy mượn tiền là không đúng, bởi ông Nguyễn Quang D hoàn toàn không biết và không có vay mượn gì vào ngày 05/11/2012. Việc ông Nguyễn Văn Đ tự lập hợp đồng, phía sau giấy mượn tiền của bà H mà không có sự đồng ý của ông D và không có chữ ký của ông D, bà H là không có giá trị pháp lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày: Năm 2012, bà N có cho bà Lê Thị H công tác tại Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong mượn số tiền 16.000.000 đồng. Bà Lê Thị H nhận nợ 16.000.000 đồng thì bà N đã thông báo cho ông D biết. Đã nhiều năm bà N đã đòi nợ nhưng bà H không chịu trả số tiền này; đến khoảng giữa tháng 05 năm 2023 bà Lê Thị H chủ động đến nhà bà N để trả số tiền 16.000.000 đồng tiền gốc; còn phần tiền lãi bà N không lấy lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc bà Lê Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền gốc 8.000.000 đồng, tiền lãi 12.256.000 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi là 20.256.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn đồng)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 22/9/2023, bị đơn bà **Lê Thị H** kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 01/12/2023, nguyên đơn ông **Nguyễn Văn Đ** có đơn rút đơn khởi kiện, bị đơn bà **H** không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- *Về việc chấp hành thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

- *Về nội dung:* Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Lê Thị H** sửa bản án sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của TAND huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn Đ** buộc bà **Lê Thị H** phải trả khoản tiền gốc là 16.000.000 đồng và khoản lãi với lãi suất 1,2% tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày vay 05/11/2012 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm 08/9/2023.

- *Về án phí:* Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi (trên 60 tuổi). Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và luật người cao tuổi nên ông **Đ** được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông **Nguyễn Văn Đ** khởi kiện yêu cầu bà **Lê Thị H** trả nợ theo giấy mượn tiền ngày 05/11/2012, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà **Lê Thị H** công tác tại Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị thụ lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền.

[1.3] *Về áp dụng pháp luật:* Giấy vay tiền lập ngày 05/11/2012 âm lịch (tức ngày 17/12/2012) tại thời điểm ký kết Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, nội dung và hình thức giấy vay tiền phù hợp với các quy định của Bộ

luật dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H:

[2.1]- Xem xét Giấy vay tiền ngày 05/11/2012AL (tức ngày 17/12/2012 dương lịch) do ông Nguyễn Văn Đ giao nộp thấy: Các đương sự viết trên hai mặt giấy, một mặt do ông Nguyễn Văn Đ viết, mặt còn lại do bà Lê Thị H viết có nội dung khác nhau:

Đối với mặt giấy do ông Đ viết về thỏa thuận vay tiền có nội dung “Hôm nay ngày 05/11/2012 AL, tại nhà ông Đ ở số Đ, Nguyễn Chí T, Đ, Quảng Trị. Vợ chồng tôi là Nguyễn Quang D, có chứng minh nhân dân pho tô kèm theo; tôi Lê Thị H đang công tác tại TAND Triệu Phong. Đã thỏa thuận vay của ông Nguyễn Văn Đ 1 số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Lãi suất 1,2%/tháng; thời gian vay là 10 năm. Nếu không thanh toán vốn và lãi thì chúng tôi đồng ý chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ghi chú: Lãi 1,2%/tháng và 3 tháng thanh toán 1 lần. Do bận việc nên ông Đ không ký giấy chỉ một mình bà H nhận tiền. Thanh toán nợ năm nào thì lấy lại giấy vay năm đó”, nội dung này do ông Nguyễn Văn Đ tự lập, không được bà H, ông Đ ký xác nhận, bà H, ông Đ không thừa nhận khoản nợ trên, nên giấy thỏa thuận vay tiền ngày 05/11/2012 (âm lịch) do ông Nguyễn Văn Đ tự viết không phát sinh hiệu lực. Vì vậy, bà H, ông Đ có không có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ vay này cho ông Đ.

Đối với mặt giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 05/11/2012 AL do ông Nguyễn Văn Đ giao nộp cho Tòa án có nội dung ghi: “Tôi tên là: Lê Thị H; công tác tại Tòa án nhân dân huyện Triệu phong có mượn của chị N – Đàn 16.000.000 đồng (mười sáu triệu) đồng” do bà H viết đã ký và ghi rõ họ tên. Quá trình thực hiện, bà Lê Thị H và bà Huỳnh Thị N đều thừa nhận nội dung thỏa thuận chỉ mượn 16.000.000 đồng, không lãi, không ấn định thời gian trả nợ, nên được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015. Hợp đồng hợp pháp đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày giao kết 05/11/2012 AL(tức ngày 17/12/2012 dương lịch) theo khoản Điều 141 Bộ luật dân sự.

Ngày 23/5/2023DI (tức ngày 5/4/2023AL) bà Lê Thị H chủ động đến nhà bà Huỳnh Thị N trả số tiền 16.000.000 đồng tiền gốc; còn phần tiền lãi bà N không lấy lãi. Bà N đã ký nhận đủ tiền 16.000.000 đồng (giấy nhận tiền BL số 25). Và tại bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án, bà N thừa nhận đã nhận đủ tiền 16.000.000 đồng và đã thông báo cho ông Nguyễn Văn Đ (BL số 26). Như vậy, bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ giấy vay ngày 05/11/2012 (AL). Hợp đồng vay ngày 05/11/2012 (AL) giữa bà H với bà N đã chấm dứt theo khoản 1 Điều 422 Bộ luật dân sự.

[2.2] Xem xét ý kiến trình bày của bà Huỳnh Thị N lập ngày 01/12/2023

Ngày 04/12/2023, ông Nguyễn Văn Đ nộp trực tiếp cho Tòa án bản trình bày ý kiến của bà N với nội dung “sau khi ông Đ khởi kiện bà H có đến nhà bà N trả 16.000.000 đồng đó là khoản nợ ngày ngày 08/5/2012 (AL) do bà H không yêu cầu lấy lại giấy vay ngày 08/5/2012 (AL) nên tôi N đang nắm giữ và một số giấy tờ khác. Do vậy số tiền trên tôi nhận trên hoàn toàn không liên quan đến giấy

vay ngày 05/11/2012 (ÁL) hiện ông Đ đang khởi kiện” Thấy khoản nợ vay ngày 08/5/2012 là khoản vay 15.000.000 đồng tiền gốc, bà H đã trả có ký nhận tiền của bà N vào ngày 4/10/2012AL (tức ngày 17/11/2012 dương lịch), theo các tài liệu chứng cứ do bà N đã cung cấp trong giải quyết vụ án thể hiện bà Huỳnh Thị N đã hai lần nhận tiền của bà H trả cho khoản nợ ngày 8/5/2012AL và khoản nợ ngày 05/11/2012AL.Trình bày trên của bà N càng làm rõ hơn các lần bà N nhận tiền của bà H để trả cho nợ các khoản vay.

[3] Xét nhận định của Bản án sơ thẩm và kháng cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định : “...ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị N sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn tại số nhà D N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; còn hiện nay ông Đ, bà N không còn chung sống với nhau, bà N sống tại số nhà D N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị còn ông Nguyễn Văn Đ sống tại khu phố H, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, như vậy vào thời điểm ngày 05/11/2012 bà Lê Thị H xác nhận vay của chị N-Đàn nên xác định bà H vay của ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị N số tiền gốc 16.000.000 đồng,... do đó buộc bà H phải trả cho ông Đ số tiền gốc 8.000.000 đồng, trả cho bà N số tiền gốc 8.000.000 đồng” là không có căn cứ.Trường hợp đủ căn cứ chứng minh khoản tiền 16.000.000 đồng là tài sản chung của ông Đ, bà N thì ông Đ có quyền khởi kiện bà N để yêu cầu phân chia số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, trong khi bà H đã trả hết tiền gốc 16.000.000 đồng cho bà N, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc bà H phải trả 8.000.000 đồng tiền gốc và 12.256.000 đồng tiền lãi cho ông Nguyễn Văn Đ là đã sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H; sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn án phí cho ông Đ.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H; sửa bản án sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của TAND huyện Triệu Phong.

- Căn cứ Điều 147 và Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 1 Điều 469, Điều 668 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về yêu cầu buộc bà Lê Thị H phải trả khoản tiền gốc là 16.000.000 đồng và khoản tiền lãi với lãi suất 1,2%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày vay 05/01/2012 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm 08/9/2023.

2. Về án phí:

- *Về án phí sơ thẩm:* Ông Nguyễn Văn Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
 - *Về án phí phúc thẩm:* Hoàn trả cho bà Lê Thị H 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai tạm ứng án phí số 0000001 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.
- 3.**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện Triệu Phong;
- CC THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán thành viên

Thẩm phán- Chủ tọa

Nguyễn Văn Trung Lê Hoài T1

Trần Văn P

